

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2025/DS-PT

Ngày 12-5-2025.

*“V/v tranh chấp thừa kế tài sản;
yêu cầu công nhận hợp đồng tặng
cho quyền sử dụng đất”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ;

Ông Nguyễn Quốc Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông
Sơn Cuol - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2025/TLPT-DS, ngày 16 tháng 01 năm 2025, về việc: *“Tranh chấp thừa kế tài sản; yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2024/DS-ST, ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 124/2025/QĐ-PT, ngày 24/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 142/2025/QĐ-PT, ngày 15/4/2025, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn:

1-1. Bà Thạch Thị Kim H; sinh năm 1971 (có mặt).

1-2. Ông Lý Hồng S; sinh năm 1993 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn H và S: Ông Nguyễn Viết C, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số 4/2, hẻm 275, đường 30/4, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2 - Bị đơn:

2-1. Bà Thạch Thị Kim N; sinh năm 1970 (có mặt).

2-2. Bà Thạch Thị Đô R; sinh năm 1975 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Thạch Thị Kim N và bà Thạch Thị Đô R: Bà Nguyễn Thanh N5 là Luật sư Văn phòng Luật sư N, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hậu Giang. Địa chỉ: số 69, đường N, khu vực 3, phường 5, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

3- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3-1. Ông Thạch Ngọc H2; sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3-2. Ông Ngô C1; sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô C1 và Thạch Ngọc H2: Bà Thạch Thị Kim N; sinh năm: 1970. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là bị đơn trong vụ án theo văn bản ủy quyền ngày 21/8/2024 và ngày 26/8/2024 (có mặt).

3-3. Cao S1; sinh năm 1968 (vắng mặt).

3-4. Cao Thị Mỹ N1; sinh năm 2005 (vắng mặt).

3-5. Cao Thị Mỹ N2; sinh năm 2009 (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của Cao Thị Mỹ N2: Bà Thạch Thị Kim N; sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng - Là mẹ của N2 và là bị đơn trong vụ án (có mặt).

3-6. Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Đường L, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có đơn yêu cầu vắng mặt).

3-7. Văn Phòng công chứng M, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Số 66, tỉnh lộ 934, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có đơn yêu cầu vắng mặt).

3-8. Kim Thị M; sinh năm 1968 (vắng mặt).

3-9. Ngô Quốc T; sinh năm 1992 (vắng mặt).

3-10. Ngô Ngọc Huệ M1; sinh năm 1997 (vắng mặt).

3-11. Dương Văn T2; sinh năm 1972 (vắng mặt).

3-12. Ông Dương Văn V; sinh năm 1996 (vắng mặt).

3-13. Dương Văn D; sinh năm 1998 (vắng mặt).

3-14. Dương Thị Trúc A; sinh năm 2006 (vắng mặt).

3-15. Lý S2; sinh năm 1970 (vắng mặt).

3-16. Lý Hồng S3; sinh năm 1999 (vắng mặt).

3-17. Trà Thị O (vắng mặt).

3-18. Lý Hồng S; sinh năm 1993 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3-19. Tiết Thị K; sinh năm 1975 (vắng mặt).

3-20. Thạch Thị Ngọc K2; sinh năm 1997 (vắng mặt).

3-21. Thạch Ngọc H5; sinh năm 1999 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người kháng cáo: Các bị đơn Thạch Thị Đô R, Thạch Thị Kim N và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô C1 và Thạch Ngọc H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo kết quả xét xử sơ thẩm, thì vụ án có nội dung như sau:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 02 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02 tháng 7 năm 2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 11 tháng 10 năm 2022, nguyên đơn Thạch Thị Kim H và Lý Hồng S trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:***

Cha mẹ nguyên đơn H tên Thạch N4, sinh năm 1939 (chết ngày 13/11/2017) và Trần Thị Kim H7, sinh năm 1948 (chết ngày 08/01/2017), cha và mẹ bà có 06 người con chung và mẹ bà có 01 người con riêng, theo tờ khai về quan hệ thừa kế ngày 26/01/2018 gồm:

1. Thạch Thị Kim N; sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Thạch Thị Kim H; sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Thạch Ngọc H2; sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

4. Thạch Thị Kim N6; sinh năm 1973 (chết năm 1974).

5. Thạch Thị Đô R; sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

6. Thạch Thị Ngọc T3; sinh năm 1978 (chết năm 1992, không có chồng, không có con).

7. Ngô C1; sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (con riêng của bà Hoàng).

Khi sinh thời cha mẹ bà H có tạo lập được một số tài sản chung, gồm:

- Một căn nhà ở 03 gian (có kích thước theo đo đạc thực tế) gồm có: Nhà trước có chiều ngang 8,7m x chiều dài 15,1m, có kết cấu: Khung cột gỗ, mái lợp tole xi măng, đòn tay gỗ, vách tole kẽm + gỗ + xây gạch 10cm, nền đất; nhà sau có chiều ngang 8,95m x chiều dài 3,8m, có kết cấu: Khung cột gỗ tạp, mái lợp tole kẽm, đòn tay gỗ, vách tole kẽm, nền đất; 01 mái che có chiều ngang 3,4m x chiều dài 10,4m, có

kết cấu: Khung cột gỗ tạp, mái lợp tole kẽm, đòn tay gỗ, vách tole kẽm, nền đất. Nhà xây dựng trên diện tích $1.338,1\text{m}^2$ (đất ONT + CLN), tại thửa đất số 619, tờ bản đồ số 04 (Nay là thửa đất số 4, tờ bản đồ số 13), tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, đất được UBND huyện M cấp cho hộ bà Trần Thị Kim H7 ngày 14/5/1997, hiện nay do bà Thạch Thị Đô R đang quản lý.

Căn nhà ở 03 gian, 2 nhà ở nối liền + đất ở nêu trên và các tài sản vật dụng trong nhà, cha mẹ bà đã lập di chúc cho lại cháu ngoại là Lý Hồng S được hưởng toàn bộ, di chúc được lập ngày 14/06/2016, di chúc có 02 nhân chứng là bà Thạch Thị Sà V và ông Lý E, cả hai cùng ở địa chỉ ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng đã xác nhận vào di chúc.

- Các thửa đất: Thửa đất số 47, có diện tích theo đo đạc thực tế là $13.055,2\text{m}^2$ và thửa số 48 có diện tích theo đo đạc thực tế là $16.046,3\text{m}^2$, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; thửa số 59 có diện tích theo đo đạc thực tế là $9.175,3\text{m}^2$ và thửa số 58 có diện tích theo đo đạc thực tế là $317,1\text{m}^2$, thuộc tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Các thửa đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân huyện M (Nay là huyện T), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K333383 cho hộ bà Trần Thị Kim H7 vào ngày 14/5/1997.

Cùng vào ngày 07/6/2016 cha và mẹ bà H đến Văn phòng công chứng M, địa chỉ số 66, tỉnh lộ 934, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng lập di chúc (công chứng số 766 và 767, quyển 1/TPCC-SCC/HĐGD), di chúc do cha mẹ bà lập có nội dung như sau: Đối với thửa số 619, tờ bản đồ số 04 (Nay là thửa số 4, tờ bản đồ số 13), có diện tích theo đo đạc thực tế là $1.388,1\text{m}^2$ tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng thì bà Thạch Thị Đô R được quyền hưởng một phần, đất có chiều ngang 8m, chiều dài chạy hết thửa 619, bà Thạch Thị Kim H và ông Lý Hồng S được thừa hưởng 01 phần, đất có chiều ngang gần bằng 27m, chiều dài chạy hết thửa 619. Còn lại các thửa đất số 47, 48, trên tờ bản đồ số 04 và thửa đất 59, 58 trên tờ bản đồ số 05 thì bà Thạch Thị Kim H và ông Lý Hồng S được thừa hưởng toàn bộ.

Sau khi cha mẹ bà chết ngày 03/12/2017 em bà là Thạch Thị Đô R cưa ổ khóa chiếm căn nhà 3 gian của cha mẹ bà H xây dựng trên diện tích của thửa đất số 619, tờ bản đồ số 04, không cho Lý Hồng S được sử dụng căn nhà này, căn nhà này được cha mẹ bà H lập di chúc cho Lý Hồng S, vì Lý Hồng S đang chung sống với ông bà ngoại. Trước đó, khi cha mẹ bà còn sống vào khoảng năm 2010 bà Thạch Thị Đô R có mượn cha mẹ bà H 01 phần đất có diện tích khoảng 48m^2 (6m x 8m) xây dựng làm chuồng nuôi heo, đất xây dựng chuồng nuôi heo này nằm trên phần đất có chiều ngang gần bằng 27m, chiều dài hết thửa 619 nằm trong tổng diện tích đất $1.388,1\text{m}^2$, tại thửa đất số 619, tờ bản đồ số 04. Ngoài ra, bà Thạch Thị Đô R còn mượn của cha mẹ bà phần đất ruộng có diện tích 9.628m^2 tại hai thửa đất, thửa số 58 và thửa số 59, tờ bản đồ số 05.

Bà Thạch Thị Kim N có mượn của cha mẹ bà phần đất có diện tích 4 công tầm lớn (tương đương với 5.200m^2) đất mượn nằm trong diện tích đất $16.046,3\text{m}^2$ thửa đất số 48, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, bà Thạch

Thị Kim N đang quản lý và sử dụng phần đất này.

Sau khi cha mẹ bà H chết thì phát sinh tranh chấp di sản của cha mẹ, trong gia đình bà không tự giải quyết được, nên vụ việc được đưa ra hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã V ngày 12/01/2018. Hội đồng hòa giải kết luận “Nhà thờ cúng của mẹ thì giao cho Đô R là con út quét dọn chăm sóc đốt nhang, còn phần đất ruộng thì chia cho ông C1 và bà N, ông H2 mỗi người hai công, còn lại thì bà H và Đô R chia đều, còn tiền ngân hàng thì sau khi thu hoạch lúa thì bán lấy tiền trả ngân hàng, sau khi trừ tiền phần thuốc và chi phí khác còn thiếu thì anh em cùng chia nhau để trả”. Bà H không đồng ý theo kết luận của ban hòa giải, vào ngày 17/01/2018 bà H có khiếu nại đến UBND xã V và UBND huyện T, lý do:

Bà Thạch Thị Kim H đang canh tác hai phần đất ruộng lúa tại thửa số 47 và một phần thửa số 48 (trong thửa số 48 có phần diện tích đất 5.200m² đất do bà Thạch Thị Kim N đang sử dụng), cha mẹ bà cho sử dụng từ 2015 và đến ngày 07/6/2016 cha và mẹ bà H có lập di chúc cho bà và con bà là Lý Hồng S được hưởng toàn bộ thửa đất số 47 và thửa 48 trong đó có luôn cả diện tích 5.200m² đất bà Thạch Thị Kim N đang sử dụng.

Đối với nợ vay ngân hàng, số tiền không phải của cha mẹ bà H vay mà là của bà N vay thì bà N phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng.

Số lúa bà H trồng trên hai thửa đất ruộng tại thửa số 47, một phần thửa số 48 là tài sản của bà nên UBND xã V không thể hòa giải theo hướng lấy tài sản của bà H để trả nợ cho bà Thạch Thị Kim N, bà không có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà N.

Việc cấp đất cho hộ bà Trần Thị Kim H7 là cấp theo chính sách trang trải ruộng đất năm 1990. Tại thời điểm cấp đất thì hộ gia đình của bà Trần Thị Kim H7 và ông Thạch N4 có 08 nhân khẩu, gồm: Thạch N4, Trần Thị Kim H7, Thạch Thị Kim N, Thạch Thị Kim H, Thạch Ngọc H2, Thạch Thị Kim N6, Thạch Thị Đô R, Thạch Thị Ngọc T3, không cấp cho ông Ngô C1. Do di chúc của ông N4 và bà H7 lập ghi là toàn bộ diện tích đất của các thửa đất chứ thực ra là chỉ có mỗi phần của ông N4 và bà H7 trong khối tài sản chung. Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung thì bà Thạch Thị Kim H và Lý Hồng S yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc bà Thạch Thị Đô R phải thực hiện theo di chúc do cha và mẹ bà lập ngày 14/6/2016, bà Thạch Thị Đô R có nghĩa vụ giao trả căn nhà 3 gian kèm theo đất ở và các vật dụng trong nhà lại cho Lý Hồng S. Căn nhà 3 gian gồm có nhà trước chiều ngang 10m, chiều dài 08m, nhà sau có chiều ngang 10m, chiều dài 7m, nhà trước và nhà sau nối liền nhau, mái nhà trước và sau lợp tole xi măng, vách ván, cột cây dầu, nền đất. Nhà xây dựng trên diện tích 1.230m² (đất thổ cư + LNK), tại thửa đất số 619, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, đất được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận số K333383 vào ngày 14/5/1997, người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Trần Thị Kim H7.

- Buộc bà Thạch Thị Đô R phải thực hiện theo di chúc do cha và mẹ bà lập ngày 14/6/2016, bà Thạch Thị Đô R có nghĩa vụ giao trả cho bà Thạch Thị Kim H và

Lý Hồng S 01 phần đất có diện tích khoảng 48m² (6m x 8m) là xây dựng làm chuồng nuôi heo, đất xây dựng chuồng nuôi heo này nằm trên phần đất có chiều ngang gần bằng 27m, chiều dài hết thửa 619 nằm trong tổng diện tích đất 1.230m², tại thửa đất số 619, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, đất được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận số K333383 vào ngày 14/5/1997, người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Trần Thị Kim H7.

- Buộc bà Thạch Thị Đô R phải thực hiện theo di chúc do cha và mẹ bà lập cùng ngày 07/6/2016, bà Thạch Thị Đô R có nghĩa vụ giao trả cho bà Thạch Thị Kim H và Lý Hồng S thửa số 59 có diện tích 9.400m² và thửa số 58 có diện tích 280m², thuộc tờ bản đồ số 05, cùng tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Thửa đất nêu trên được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K333383 cho bà Trần Thị Kim H7 vào ngày 14/05/1997.

- Buộc bà Thạch Thị Kim N phải thực hiện theo di chúc do cha và mẹ bà lập cùng ngày 07/6/2016, bà Thạch Thị Kim N có nghĩa vụ giao trả cho bà Thạch Thị Kim H và Lý Hồng S phần đất có diện tích 4 công tằm lớn (tương đương với diện tích 5.200m²) trong tổng diện tích 15.370m² đất thuộc thửa 48, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Thửa đất nêu trên được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K333383 cho bà Trần Thị Kim H7 vào ngày 14/05/1997.

- Buộc bà Thạch Thị Kim N phải có nghĩa vụ giao trả cho bà Thạch Thị Kim H và Lý Hồng S Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K333383 được UBND huyện M cho bà Trần Thị Kim H7 vào ngày 14/05/1997 để bà H và ông Siêu làm thủ tục đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cắt giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các phần tài sản được ông Thạch N4 và bà Trần Thị Kim H7 cho lại theo di chúc lập ngày 14/6/2016.

- Buộc bà Thạch Thị Đô R thực hiện theo di chúc ngày 14/6/2016 giao lại các tài sản vật dụng trong nhà 03 gian gồm: Tủ quần áo bằng nhôm, tủ chén bằng nhôm, tủ để tivi bằng nhôm, tủ thờ bằng gỗ, ghế ngồi, nằm đọc báo bằng gỗ, giường ngủ bằng gỗ và bộ ngựa bằng gỗ (sử dụng để ngủ) cho ông Lý Hồng S.

- Nếu theo pháp luật giải quyết đưa đến việc Tòa án xác định di chúc của ông Thạch N4 và bà Trần Thị Kim H7 để lại phần quyền sử dụng đất cho Bà H và ông Siêu là không có hiệu lực thì Bà H và ông Siêu yêu cầu Tòa án chia phần quyền thừa kế của ông Thạch N4, bà Trần Thị Kim H7 theo pháp luật cho bà Thạch Thị Kim H và ông Lý Hồng S.

Qua đo đạc thực tế thì tại phiên tòa sơ thẩm phía nguyên đơn, bà Thạch Thị Kim H và ông Lý Hồng S xin thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện và đồng thời xin rút phần yêu cầu khởi kiện bổ sung, cụ thể:

- Phần thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Tòa án công nhận di chúc của ông Thạch N4 và bà Trần Thị Kim H7 lập ngày 07/6/2016 và ngày 14/6/2016.

+ Buộc bà Thạch Thị Đô R phải thực hiện theo di chúc do cha và mẹ bà lập

ngày 14/6/2016, bà Thạch Thị Đô R có nghĩa vụ giao cho Lý Hồng S căn nhà ở 03 gian (có kích thước theo đo đạc thực tế) gồm có: Nhà trước có chiều ngang 8,7m x chiều dài 15,1m, có kết cấu: Khung cột gỗ, mái lợp tole xi măng, đòn tay gỗ, vách tole kẽm + gỗ + xây gạch dày 10cm, nền đất; nhà sau có chiều ngang 8,95m x chiều dài 3,8m, có kết cấu: Khung cột gỗ tạp, mái lợp tole kẽm, đòn tay gỗ, vách tole kẽm, nền đất; 01 mái che có chiều ngang 3,4m x chiều dài 10,4m, có kết cấu: Khung cột gỗ tạp, mái lợp tole kẽm, đòn tay gỗ, vách tole kẽm, nền đất. Nhà xây dựng trên diện tích 1.338,1m² (đất ONT + CLN), tại thửa đất số 619, tờ bản đồ số 04 (Nay là thửa đất số 4, tờ bản đồ số 13), tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, đất được UBND huyện M cấp cho hộ bà Trần Thị Kim H7 ngày 14/5/1997.

+ Buộc bà Thạch Thị Đô R phải thực hiện theo di chúc do cha và mẹ bà lập ngày 14/6/2016, bà Thạch Thị Đô R có nghĩa vụ giao trả cho bà Thạch Thị Kim H và Lý Hồng S 01 phần đất có diện tích khoảng 48m² (6m x 8m) xây dựng làm chuồng nuôi heo, đất xây dựng chuồng nuôi heo này nằm trên phần đất có chiều ngang gần bằng 27m, chiều dài hết thửa 619 nằm trong tổng diện tích đất 1.388,1m², tại thửa đất số 619, tờ bản đồ số 04, (Nay là thửa đất số 4, tờ bản đồ số 13), tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, đất được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận số K333383 vào ngày 14/5/1997, người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bà Trần Thị Kim H7.

+ Buộc bà Thạch Thị Đô R phải thực hiện theo di chúc do cha và mẹ bà lập cùng ngày 07/6/2016, bà Thạch Thị Đô R có nghĩa vụ giao trả cho bà Thạch Thị Kim H và Lý Hồng S thửa số 59 có diện tích theo đo đạc thực tế là 9.175,3m² và thửa số 58 có diện tích theo đo đạc thực tế là 317,1m², thuộc tờ bản đồ số 05, cùng tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Hai thửa đất nêu trên được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K333383 cho hộ bà Trần Thị Kim H7 vào ngày 14/5/1997.

- Buộc bà Thạch Thị Kim N phải thực hiện theo di chúc do cha và mẹ bà lập cùng ngày 07/6/2016, bà Thạch Thị Kim N có nghĩa vụ giao trả cho bà Thạch Thị Kim H và Lý Hồng S phần đất có diện tích 4 công tầm lớn (có diện tích theo đo đạc thực tế là 5.664m²) trong tổng diện tích 16.046,3m² đất thuộc thửa 48, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Thửa đất nêu trên được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K333383 cho bà Trần Thị Kim H7 vào ngày 14/05/1997.

+ Buộc bà Thạch Thị Đô R phải thực hiện theo di chúc do cha và mẹ bà lập cùng ngày 07/6/2016, bà Thạch Thị Đô R có nghĩa vụ giao trả cho bà Thạch Thị Kim H và Lý Hồng S phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 4.162,2m² trong tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 13.055,2m² thửa đất số 47, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Thửa đất nêu trên được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K333383 cho bà Trần Thị Kim H7 vào ngày 14/05/1997.

+ Nếu trong trường hợp Tòa án giải quyết đưa đến việc Tòa án xác định di

chức của ông Thạch N4 và bà Trần Thị Kim H7 để lại phần quyền sử dụng đất cho Bà H và ông Siêu là không có hiệu lực thì Bà H và ông Siêu yêu cầu Tòa án chia phần quyền thừa kế của ông Thạch N4, bà Trần Thị Kim H7 theo pháp luật cho bà Thạch Thị Kim H và ông Lý Hồng S.

- Phần rút yêu cầu khởi kiện bổ sung là: Ông Lý Hồng S xin rút lại yêu cầu khởi kiện (bổ sung) về việc yêu cầu buộc bà Thạch Thị Đô R thực hiện theo di chúc ngày 14/6/2016 giao lại các tài sản vật dụng trong nhà 03 gian lại cho ông gồm: Tủ quần áo bằng nhôm, tủ chén bằng nhôm, tủ để tivi bằng nhôm, tủ thờ bằng gỗ, ghế ngồi, nằm đọc báo bằng gỗ, giường ngủ bằng gỗ và bộ ngựa bằng gỗ (sử dụng để ngủ) cho ông Lý Hồng S.

*** *Tại đơn phản tố ngày 17/11/2018, đơn phản tố (bổ sung) ngày 09/01/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng bị đơn Thạch Thị Kim N và Thạch Thị Đô R trình bày:***

Anh em bà N và bà Đô R không đồng ý thực hiện theo nội dung di chúc bởi vì di chúc lập không đúng quy định của pháp luật và có dấu hiệu ép buộc lừa dối trong di chúc này.

Theo đơn phản tố thì bà N và bà Đô R yêu cầu Tòa án tuyên bố 03 di chúc sau đây là vô hiệu:

- Di chúc xác lập ngày 07/6/2016 của ông Thạch N4 tại Văn phòng công chứng M do Công chứng viên T thực hiện có dấu hiệu trái pháp luật, bởi tài sản thừa kế là tài sản chung mang tên hộ gia đình, do đó khi thực hiện các giao dịch dân sự thì phải được tất cả các thành viên trong gia đình tham gia ký kết. Trong trường hợp này công chứng viên đã không có yêu cầu cơ quan chuyên môn xác nhận tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Trần Thị Kim H7 bao gồm bao nhiêu thành viên. Đồng thời yêu cầu tất cả các thành viên trong gia đình tham gia ký kết. Do đó Phòng Công chứng M, Công chứng viên T đã cố tình làm trái quy định của pháp luật làm ảnh hưởng, thiệt hại đến quyền của tất cả anh em bà.

- Di chúc xác lập ngày 07/6/2016 của bà Trần Thị Kim H7 tại Văn phòng công chứng M do Công chứng viên T thực hiện có dấu hiệu trái pháp luật, bởi tài sản thừa kế là tài sản chung mang tên hộ gia đình, do đó khi thực hiện các giao dịch dân sự thì phải được tất cả các thành viên trong gia đình tham gia ký kết. Trong trường hợp này công chứng viên đã không có yêu cầu cơ quan chuyên môn xác nhận tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Trần Thị Kim H7 bao gồm bao nhiêu thành viên. Đồng thời yêu cầu tất cả các thành viên trong gia đình tham gia ký kết. Do đó, Phòng Công chứng M, Công chứng viên T đã cố tình làm trái quy định của pháp luật làm ảnh hưởng, thiệt hại đến quyền của tất cả anh em bà.

- Di chúc xác lập ngày 14/6/2016 của ông Thạch N4 và bà Trần Thị Kim H7 là di chúc bị ép buộc, lừa dối bởi ngoài việc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ và chưa được chia theo phần, do đó các thành viên trong hộ không được tự ý quyết

định tài sản chung, khi chưa được tất cả các thành viên trong hội đồng ý, bên cạnh đó bà Thạch Thị Kim H đã lừa dối bà Thạch Thị Sa V người làm chứng một trong di chúc này. Đến ngày 19/3/2018 bà Thạch Thị Sa V đã có đơn tường trình về toàn bộ sự việc do bà Thạch Thị Kim H lừa dối, thực chất bà không hề hay biết những gì được ghi trong nội dung tờ di chúc, UBND xã V đã chứng thực chữ ký của bà Thạch Thị Sa V.

Ngoài ra, tại thời điểm làm di chúc tại Văn phòng công chứng M và di chúc tại nhà thì đại diện Ngân hàng N không hề hay biết gì về việc lập di chúc vì bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ngân hàng giữ. Bên cạnh đó việc thừa kế có liên quan đến việc thừa kế nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng Ngân hàng không hay biết là thiệt thòi đến quyền lợi của anh em bà. Yêu cầu Văn phòng công chứng M, Sóc Trăng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh liên quan đến việc tranh chấp chia thừa kế này khi TAND huyện T tuyên bố di chúc vô hiệu. Buộc Văn phòng công chứng M có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần cho bị đơn với mức 20 tháng lương tối thiểu 1.390.000 đồng x 20 tháng lương = 27.800.000 đồng.

Lúc cha mẹ bà N và bà Đô R còn sống tự chăm sóc và quản lý vụ lúa Đông Xuân năm 2017 với diện tích 13 công tầm lớn (đang dậm lúa) đến tháng 11 năm 2017 bị bệnh chết, đến khi thu hoạch lúa thì bà Thạch Thị Kim H và ông Lý Hồng S đứng bán lúa, trong đó có anh em bà N và bà Đô R và chính quyền địa phương áp cùng đến coi bán lúa như sau: Tổng cộng tiền bán lúa là: 88.394.600 đồng (trong đó chi phí bao gồm: Tiền cày 2.520.000 đồng, tiền cắt 3.640.000 đồng, tiền phân và thuốc 36.446.000 đồng, tiền phân và thuốc vụ lúa tháng 01/2017 là 18.000.000 đồng = 60.606.000 đồng đây là số tiền mà cha bà đã nợ, bà Thạch Thị Kim H đã trả xong). Sau khi trừ đi các chi phí còn dư lại là 27.788.600 đồng, Bà H và ông Siêu quản lý hết không chia cho anh em bà N và bà Đô R. Trong khi cha mẹ bà N và bà Đô R còn sống có vay nợ Ngân hàng với số tiền 100.000.000 đồng (do bà Thạch Thị Kim N đứng tên vay dùm), đến hạn Ngân hàng đòi lãi buộc anh em bà N và bà Đô R phải đi vay tiền ngoài 5.000.000 đồng đóng lãi ngân hàng với số tiền 4.776.389 đồng cho đến nay. Vì vậy, anh em bà N và bà Đô R thống nhất dùng số tiền 27.788.600 đồng trên để đi đóng tiền lãi Ngân hàng và trả nợ gốc cho Ngân hàng do cha mẹ bà còn nợ. Buộc bà Thạch Thị Kim H và ông Lý Hồng S có trách nhiệm giao cho bà N số tiền 27.788.600 đồng để trả nợ Ngân hàng thực hiện theo như nguyện vọng của cha mẹ bà lúc còn sống.

Ngoài ra, anh em bà có những tài sản chung gồm căn nhà diện tích ngang 27m, dài hết đất thửa số 619, tờ bản đồ số 04 và diện tích 13.350.m² tại thửa 47, một phần thửa 48 diện tích 10.170m², tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, cấp cho hộ của bà Trần Thị Kim H7 là tài sản chung, anh em bà N và bà Đô R tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp không thỏa thuận được anh em bà sẽ khởi kiện thành một vụ án khác.

Theo đơn phản tố (bổ sung), ngày 09/01/2023 bị đơn Thạch Thị Kim N yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho của ông Thạch N4 và bà Trần Thị Kim H7 tặng cho bà Thạch Thị Kim N phần đất có diện tích 04 công tầm

03m, thuộc thửa số 48, thuộc tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng vào năm 2002.

Theo đơn phản tố (bổ sung) ngày 09/01/2023 bị đơn Thạch Thị Đô R yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vào năm 1997 giữa ông Thạch N4, bà Trần Thị Kim H7 với bà Thạch Thị Đô R là phần đất có diện tích 03 công tầm 03m, thuộc thửa số 58, thuộc tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào năm 1998 giữa ông Thạch N4, bà Trần Thị Kim H7 với bà Thạch Thị Đô R là phần đất có diện tích 04 công tầm 03m, thuộc thửa số 59, thuộc tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên tòa, bị đơn Thạch Thị Kim N và Thạch Thị Đô R xin thay đổi, bổ sung yêu cầu phản tố, phản tố (bổ sung) và rút 01 phần yêu cầu phản tố, rút yêu cầu phản tố (bổ sung), cụ thể như sau:

** Đối với phần thay đổi, bổ sung yêu cầu phản tố, phản tố (bổ sung):*

- Đối với căn nhà ở 03 gian (có kích thước theo đo đạc thực tế) gồm có: Nhà trước có chiều ngang 8,7m x chiều dài 15,1m, có kết cấu: Khung cột gỗ, mái lợp tole xi măng, đòn tay gỗ, vách tole kẽm + gỗ + xây gạch dày 10cm, nền đất; nhà sau có chiều ngang 8,95m x chiều dài 3,8m, có kết cấu: Khung cột gỗ tạp, mái lợp tole kẽm, đòn tay gỗ, vách tôn kẽm, nền đất; 01 mái che có chiều ngang 3,4m x chiều dài 10,4m, có kết cấu: Khung cột gỗ tạp, mái lợp tole kẽm, đòn tay gỗ, vách tôn kẽm, nền đất. Nhà xây dựng trên diện tích đất 1.338,1m² (đất ONT + CLN), tại thửa đất số 619, tờ bản đồ số 04 (Nay là thửa đất số 4, tờ bản đồ số 13), tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là tài sản chung của gia đình thì bà Thạch Thị Kim N và bà Thạch Thị Đô R không yêu cầu Tòa án giải quyết chia căn nhà này mà yêu cầu giao lại căn nhà này cho bà Đô R được quản lý để thờ cúng cha mẹ.

- Bà Thạch Thị Kim N và bà Thạch Thị Đô R yêu cầu Tòa án Tuyên bố 03 di chúc do ông Thạch N4, bà Trần Thị Kim H7 lập ngày 07/6/2016 và ngày 14/6/2016 là vô hiệu, chia thừa kế theo pháp luật các thửa đất số 47, 48, 58, 59 và 619 cho các anh em bà N và bà Đô R, các anh em của bà N, bà Đô R yêu cầu nhận hiện vật, nếu ai nhận phần diện tích đất thừa sẽ thống nhất hoàn trả giá trị.

- Đối với yêu cầu phản tố (bổ sung) của bị đơn Thạch Thị Kim N thì Thạch Thị Kim N xin thay đổi, bổ sung yêu cầu phản tố là: Yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông Thạch N4 và bà Trần Thị Kim H7 vào năm 2002 cho bà Thạch Thị Kim N phần đất có diện tích 04 công tầm 03m (theo đo đạc thực tế là 5.664m²), thuộc 01 phần thửa số 48, thuộc tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

** Đối với phần rút 01 phần yêu cầu phản tố và rút yêu cầu phản tố (bổ sung):*

- Bà Thạch Thị Kim N và bà Thạch Thị Đô R xin rút 01 phần yêu cầu phản tố về việc:

+ Yêu cầu buộc Văn phòng công chứng M, tỉnh Sóc Trăng phải bồi thường số tiền là 20 tháng lương tối thiểu 1.390.000 đồng x 20 tháng lương = 27.800.000 đồng.

+ Yêu cầu bà Thạch Thị Kim H và ông Lý Hồng S có trách nhiệm giao cho bà N và bà Đô R số tiền 27.788.600 đồng.

- Đối với yêu cầu phản tố (bổ sung) của bị đơn Thạch Thị Đô R thì bà Thạch Thị Đô R xin rút yêu cầu phản tố (bổ sung) về việc:

+ Yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vào năm 1997 giữa ông Thạch N4, bà Trần Thị Kim H7 với bà Thạch Thị Đô R là phần đất có diện tích 03 công tầm 03m, thuộc thửa số 58, thuộc tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

+ Yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào năm 1998 giữa ông Thạch N4, bà Trần Thị Kim H7 với bà Thạch Thị Đô R là phần đất có diện tích 04 công tầm 03m, thuộc thửa số 59, thuộc tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

**** Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 17/11/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Ngô C1 và Thạch Ngọc H2) trình bày:***

Anh em ông C1 và ông H2 không đồng ý thực hiện theo nội dung di chúc bởi vì di chúc lập không đúng quy định của pháp luật và có dấu hiệu ép buộc lừa dối trong di chúc này.

Theo đơn yêu cầu độc lập thì ông Ngô C1 và ông Thạch Ngọc H2 yêu cầu Tòa án tuyên bố 03 di chúc sau đây là vô hiệu:

- Di chúc xác lập ngày 07/6/2016 của ông Thạch N4 tại Văn phòng công chứng M do Công chứng viên T thực hiện có dấu hiệu trái pháp luật, bởi tài sản thừa kế là tài sản chung mang tên hộ gia đình, do đó khi thực hiện các giao dịch dân sự thì phải được tất cả các thành viên trong gia đình tham gia ký kết. Trong trường hợp này công chứng viên đã không có yêu cầu cơ quan chuyên môn xác nhận tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Trần Thị Kim H7 gồm bao nhiêu thành viên. Đồng thời, yêu cầu tất cả các thành viên trong gia đình tham gia ký kết. Do đó Phòng Công chứng M, Công chứng viên T đã cố tình làm trái quy định của pháp luật làm ảnh hưởng, thiệt hại đến quyền của tất cả anh em bà.

- Di chúc xác lập ngày 07/6/2016 của bà Trần Thị Kim H7 tại Văn phòng công chứng M do Công chứng viên T thực hiện có dấu hiệu trái pháp luật, bởi tài sản thừa kế là tài sản chung mang tên hộ gia đình, do đó khi thực hiện các giao dịch dân sự thì phải được tất cả các thành viên trong gia đình tham gia ký kết. Trong trường hợp này công chứng viên đã không có yêu cầu cơ quan chuyên môn xác nhận tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Trần Thị Kim H7 bao gồm

bao nhiêu thành viên. Đồng thời, yêu cầu tất cả các thành viên trong gia đình tham gia ký kết. Do đó, Phòng Công chứng M, Công chứng viên T đã cố tình làm trái quy định của pháp luật làm ảnh hưởng, thiệt thòi đến quyền của tất cả anh em bà.

- Di chúc xác lập ngày 14/6/2016 của ông Thạch N4 và bà Trần Thị Kim H7 là di chúc bị ép buộc, lừa dối bởi ngoài việc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ và chưa được chia theo phần, do đó các thành viên trong hộ không được tự ý quyết định tài sản chung, khi chưa được tất cả các thành viên trong hộ đồng ý, bên cạnh đó bà Thạch Thị Kim H đã lừa dối bà Thạch Thị Sà V người làm chứng một trong di chúc này. Đến ngày 19/3/2018 bà Thạch Thị Sà V đã có đơn tường trình về toàn bộ sự việc do bà Thạch Thị Kim H lừa dối, thực chất bà không hề hay biết những gì được ghi trong nội dung tờ di chúc, UBND xã V đã chứng thực chữ ký của bà Thạch Thị Sà V.

Ngoài ra, tại thời điểm làm di chúc tại Văn phòng công chứng M và di chúc tại nhà thì đại diện Ngân hàng Nn không hề hay biết gì về việc lập di chúc vì bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ngân hàng giữ. Bên cạnh đó việc thừa kế có liên quan đến việc thừa kế nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng Ngân hàng không hay biết là thiệt thòi đến quyền lợi của anh em ông H2, ông C1. Yêu cầu Văn phòng công chứng M, Sóc Trăng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh liên quan đến việc tranh chấp chia thừa kế này khi TAND huyện T tuyên bố di chúc vô hiệu. Buộc Văn phòng công chứng M có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với mức 20 tháng lương tối thiểu 1.390.000 đồng x 20 tháng lương = 27.800.000 đồng.

Lúc cha mẹ ông H2, ông C1 còn sống tự chăm sóc và quản lý vụ lúa Đông Xuân năm 2017 với diện tích 13 công tầm lớn (đang dậm lúa) đến tháng 11 năm 2017 bị bệnh chết, đến khi thu hoạch lúa thì bà Thạch Thị Kim H và ông Lý Hồng S đứng bán lúa trong đó, có anh em ông H2, ông C1 và chính quyền địa phương áp cùng đến coi bán lúa như sau: Tổng cộng tiền bán lúa là: 88.394.600 đồng (trong đó chi phí bao gồm: Tiền cày 2.520.000 đồng, tiền cắt 3.640.000 đồng, tiền phân và thuốc 36.446.000 đồng, tiền phân và thuốc vụ lúa tháng 01/2017 là 18.000.000 đồng = 60.606.000 đồng đây là số tiền mà cha bà đã nợ, bà Thạch Thị Kim H đã trả xong). Sau khi trừ đi các chi phí còn dư lại là 27.788.600 đồng, Bà H và ông Siêu quản lý hết không chia cho anh em ông H2, ông C1. Trong khi cha mẹ ông H2, ông C1 còn sống có vay nợ Ngân hàng với số tiền 100.000.000 đồng (do bà Thạch Thị Kim N đứng tên vay dùm), đến hạn Ngân hàng đòi lãi buộc anh em ông H2, ông C1 phải đi vay tiền ngoài 5.000.000 đồng đóng lãi ngân hàng với số tiền 4.776.389 đồng cho đến nay. Vì vậy, anh em ông H2, ông C1 thống nhất dùng số tiền 27.788.600 đồng trên để đi đóng tiền lãi Ngân hàng và trả nợ gốc cho Ngân hàng do cha mẹ còn nợ. Buộc bà Thạch Thị Kim H và ông Lý Hồng S có trách nhiệm giao cho bà N số tiền 27.788.600 đồng để trả nợ Ngân hàng thực hiện theo như nguyện vọng của cha mẹ lúc còn sống.

Ngoài ra, anh em ông H2, ông C1 có những tài sản chung gồm căn nhà diện tích ngang 27m, dài hết đất thửa số 619, tờ bản đồ số 04 và diện tích 13.350.m² tại thửa 47, một phần thửa 48 diện tích 10.170m², tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã V,

huyện T, tỉnh Sóc Trăng, cấp cho hộ của bà Trần Thị Kim H7 là tài sản chung, anh em bà N và bà Đô R tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp không thỏa thuận được anh em bà sẽ khởi kiện thành một vụ án khác.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông H2 và ông C1 xin thay đổi, bổ sung yêu cầu độc lập và xin rút 01 phần yêu cầu độc lập, cụ thể như sau:

* Đối với phần thay đổi, bổ sung yêu cầu độc lập:

- Đối với căn nhà ở 03 gian (có kích thước theo đo đạc thực tế) gồm có: Nhà trước có chiều ngang 8,7m x chiều dài 15,1m, có kết cấu: Khung cột gỗ, mái lợp tole xi măng, đòn tay gỗ, vách tole kẽm + gỗ + xây gạch dày 10cm, nền đất; nhà sau có chiều ngang 8,95m x chiều dài 3,8m, có kết cấu: Khung cột gỗ tạp, mái lợp tole kẽm, đòn tay gỗ, vách tôn kẽm, nền đất; 01 mái che có chiều ngang 3,4m x chiều dài 10,4m, có kết cấu: Khung cột gỗ tạp, mái lợp tole kẽm, đòn tay gỗ, vách tôn kẽm, nền đất. Nhà xây dựng trên diện tích đất 1.338,1m² (đất ONT + CLN), tại thửa đất số 619, tờ bản đồ số 04 (Nay là thửa đất số 4, tờ bản đồ số 13), tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là tài sản chung của gia đình thì ông Ngô C1 và ông Thạch Ngọc H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết chia căn nhà này mà yêu cầu giao lại căn nhà này cho bà Đô R được quản lý để thờ cúng cha mẹ.

- Ông Ngô C1 và ông Thạch Ngọc H2 yêu cầu tòa án Tuyên bố 03 di chúc do ông Thạch N4, bà Trần Thị Kim H7 lập ngày 07/6/2016 và ngày 14/6/2016 là vô hiệu, chia thừa kế theo pháp luật các thửa đất số 47, 48, 58, 59 và 619 cho các anh em ông Ngô C1 và ông Thạch Ngọc H2, các anh em của ông Ngô C1 và ông Thạch Ngọc H2 yêu cầu nhận hiện vật, nếu ai nhận phần diện tích đất thừa sẽ thông nhất hoàn trả giá trị.

* Đối với phần rút 01 phần yêu cầu độc lập:

- Ông Ngô C1 và ông Thạch Ngọc H2 xin rút 01 phần yêu cầu độc lập về việc:

+ Yêu cầu buộc Văn phòng công chứng M, tỉnh Sóc Trăng phải bồi thường số tiền là 20 tháng lương tối thiểu 1.390.000 đồng x 20 tháng lương = 27.800.000 đồng.

+ Yêu cầu bà Thạch Thị Kim H và ông Lý Hồng S có trách nhiệm giao cho bà N và bà Đô R số tiền 27.788.600 đồng.

*** Tại văn bản ngày 28/8/2018, các lời khai trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M, tỉnh Sóc Trăng trình bày:** Vào ngày 02/10/2017 Bà Thạch Thị Kim N có hợp đồng vay của Ngân hàng Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Sóc Trăng số tiền là 100.000.000 đồng, khi vay bà N có thể chấp cho Ngân hàng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Trần Thị Kim H7 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các thửa đất số 619, 47, 48, 58, 59, tờ bản đồ số 04, 05, đất tọa lạc ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Thạch Thị Kim N đứng tên gồm các thửa đất số 60, 61 tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nhưng theo Nghị định số 55/CP-CP, ngày 27/5/2015 thì đối với hộ vay phục vụ sản xuất Nông nghiệp mà số tiền từ 100.000.000 đồng trở

xuống thì không phải đăng ký giao dịch bảo đảm cũng như không ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Quá trình vay thì phía bà N thực hiện tốt nghĩa vụ trả nợ vay cho ngân hàng, không vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Đến thời điểm hiện tại bà Thạch Thị Kim N có vay vốn Ngân hàng với số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), nhưng tài sản bảo đảm khoản vay không liên quan đến các thửa đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K333383, ngày 14/5/1997, nên Ngân hàng N không có yêu cầu độc lập trong vụ án này, nếu có tranh chấp với bà N thì Ngân hàng sẽ khởi kiện thành 01 vụ án khác.

*** Tại văn bản số: 01/VPCC, ngày 11/9/2020 và Văn bản số 07/VPCC, ngày 25/12/2018 Văn phòng công chứng M, tỉnh Sóc Trăng trình bày:** Văn phòng công chứng M, tỉnh Sóc Trăng không thống nhất với yêu cầu hủy di chúc của bà N và bà Đô R, bởi vì quy trình thực hiện các di chúc của ông N4 và bà H7 tuân thủ các quy định của pháp luật về công chứng và cũng như trong quá trình thực hiện thủ tục công chứng di chúc và không thống nhất bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bà N và bà Đô R.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lý S2 trình bày:** ông Lý S2 không biết nguồn gốc phần đất hiện nay đang tranh chấp giữa giữa bà Thạch Thị Kim H, ông Lý Hồng S với bà Thạch Thị Kim N, bà Thạch Thị Đô R, ông Lý S2 chỉ nghe vợ ông Lý S2 là bà Thạch Thị Kim H nói lại 01 phần là do mẹ vợ ông Lý S2 được cha ruột tặng cho, 01 phần là do cha mẹ vợ ông Lý S2 tự khai phá. Ông Lý S2 thống nhất với yêu cầu của vợ ông, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, công nhận nội dung các tờ di chúc của cha mẹ vợ ông Lý S2, buộc bà Thạch Thị Kim N và bà Thạch Thị Đô R giao đất và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ ông Lý S2 là bà Thạch Thị Kim H và con trai ông Lý S2 là Lý Hồng S.

*** Tại tờ tường trình ngày 22/7/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trà Thị O trình bày:** Bà Thạch Thị Đô R có hợp đồng cầm cố cho bà O 01 phần đất ruộng, đến nay đã đến thời hạn chuộc đất, nhưng bà Đô R chưa có tiền chuộc lại đất, nên bà O vẫn tiếp tục canh tác đất. Bà O biết là hiện nay Bà H khởi kiện bà Đô R lên Tòa án, có liên quan đến phần đất mà bà O đang cầm cố của bà Đô R, việc tranh chấp đất giữa Bà H và bà Đô R, bà O không có ý kiến gì, việc cầm cố là việc của bà O và bà Đô R để bà O và bà Đô R tự giải quyết, bà O không có yêu cầu gì trong vụ án này.

*** Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Dương Thị Trúc A trình bày:** Không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này, tùy Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Cao Thị Mỹ N1 trình bày:** Không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này, tùy Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Cao S1, Cao Thị Mỹ N2, Kim Thị M, Ngô Quốc T, Ngô Ngọc Huệ M1, Dương Văn T2, Dương Văn V, Dương**

Văn D, Lý Hồng S3, Tiết Thị K, Thạch Thị Ngọc K2, Thạch Ngọc H5 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, các ông, bà Cao S1, Cao Thị Mỹ N2, Kim Thị M, Ngô Quốc T, Ngô Ngọc Huệ M1, Dương Văn T2, Dương Văn V, Dương Văn D, Lý Hồng S3, Tiết Thị K, Thạch Thị Ngọc K2, Thạch Ngọc H5 không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của những đương sự này.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 53/2024/DS-ST, ngày 12/8/2024 đã quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 3, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1, 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, 611, 612, 613, 623, 625, 627, 628, 630, 631, 632, 634, 635, 643, 659 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Kim H và ông Lý Hồng S: Công nhận di chúc của bà Trần Thị Kim H7 và ông Thạch N4 lập ngày 07/6/2016 và lập ngày 14/6/2016 có hiệu lực 01 phần. Chia thừa kế phần di sản của ông Thạch N4 và bà Trần Thị Kim H7 theo di chúc của ông Thạch N4 và bà Trần Thị Kim H7 cho bà Thạch Thị Kim H và ông Lý Hồng S, Cụ thể:

+ Bà Thạch Thị Kim H được quyền sử dụng phần đất có diện tích 4.928m², loại đất lúa (LUC), thuộc 01 phần thửa 48, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau:

Hướng đông giáp phần đất còn lại của thửa đất số 48, có số đo 71.12m.

Hướng tây giáp thửa đất số 50, có số đo đoạn 1 là 9.49m + đoạn 2 là 21.15m + đoạn 3 là 7.57m + đoạn 4 là 23.66m + đoạn 5 là 7.08m + đoạn 6 là 4.78m.

Hướng nam giáp thửa đất số 115, có số đo đoạn 1 là 6.26m + đoạn 2 là 4.28m + đoạn 3 là 36.26m + đoạn 4 là 13.53m + đoạn 5 là 9.06m.

Hướng bắc giáp thửa đất số 49, có số đo đoạn 1 là 3.13m + đoạn 2 là 8.15m + đoạn 3 là 9.31m + đoạn 4 là 33.51m + đoạn 5 là 6.37m + đoạn 6 là 6.47m.

- Buộc bà Thạch Thị Kim N phải có trách nhiệm giao lại cho bà Thạch Thị Kim H phần đất có diện tích 4.928m², loại đất lúa (LUC), thuộc 01 phần thửa 48, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

+ Bà Thạch Thị Kim H được quyền sử dụng phần đất có diện tích 3.514,1m² (bao gồm phần đất Bà H được hưởng theo di chúc và phần đất Bà H được hưởng theo phần chia thừa kế theo pháp luật), loại đất lúa (LUC), thuộc 01 phần thửa đất

số 47, tờ bản đồ số 04 tọa lạc ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau:

Hướng đông giáp thửa đất số 46, có số đo đoạn 1 là 3.62m + đoạn 2 là 45.90m + đoạn 3 là 6.95m + đoạn 4 là 14.67m.

Hướng tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 47 + 48, có số đo đoạn 1 là 19.33m + đoạn 2 là 48.11m.

Hướng nam giáp phần đất còn lại của thửa đất số 47 + 48, có số đo đoạn 1 là 17.41m + đoạn 2 là 29.58m.

Hướng bắc giáp thửa đất số 49, có số đo đoạn 1 là 4.08m + đoạn 2 là 1.69m + đoạn 3 là 22.59m + đoạn 4 là 13.90m + đoạn 5 là 2.71m + đoạn 6 là 4.75m.

+ Bà Thạch Thị Kim H được quyền sử dụng phần đất có diện tích 3.607,7m², loại đất lúa (LUC), thuộc 01 phần thửa 47+48, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau:

Hướng đông giáp kênh thủy lợi, có số đo 23.09m.

Hướng tây giáp thửa đất số 115, có số đo đoạn 1 là 13.06m + đoạn 2 là 8.94m + đoạn 3 là 7.29m + đoạn 4 là 6.41m + đoạn 5 là 6.74m + đoạn 6 là 3.54m + đoạn 7 là 5.32m + đoạn 8 là 1.26m + đoạn 9 là 2.35m + đoạn 10 là 2.16m + đoạn 11 là 3.28m + đoạn 12 là 10.98m.

Hướng nam giáp thửa đất số 126 và thửa đất số 127, có số đo đoạn 1 là 32.08m + đoạn 2 là 4.86m + đoạn 3 là 2.76m + đoạn 4 là 3.77m + đoạn 5 là 1.92m + đoạn 6 là 2.67m + đoạn 7 là 11.17m + đoạn 8 là 19.07m + đoạn 9 là 30.27m + đoạn 10 là 4.26m + đoạn 11 là 5.19m + đoạn 12 là 25.03m + đoạn 13 là 3.25m + đoạn 14 là 23.34m + đoạn 15 là 14.93m.

Hướng bắc giáp phần còn lại của thửa đất số 47 + 48, có số đo đoạn 1 là 80.93m + đoạn 2 là 49.70m.

+ Ông Lý Hồng S được quyền sử dụng phần đất có diện tích 7.496m², loại đất lúa (LUC), thuộc 01 phần thửa 59, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau:

Hướng đông giáp thửa đất số 47 và thửa đất số 410, có số đo đoạn 1 là 7.87m + đoạn 2 là 7.12m + đoạn 3 là 7.80m + đoạn 4 là 15.93m.

Hướng tây giáp phần còn lại của thửa đất số 59, có số đo 38.98m.

Hướng nam giáp thửa đất số 60 và thửa đất số 61, có số đo đoạn 1 là 6.20m + đoạn 2 là 11.58m + đoạn 3 là 40.5m + đoạn 4 là 7.62m + đoạn 5 là 4.59m + đoạn 6 là 19.86m + đoạn 7 là 13.04m + đoạn 8 là 15.18m + đoạn 9 là 24.02m + đoạn 10 là 39.12m + đoạn 11 là 13.83m.

Hướng bắc giáp thửa đất số 56, 57 và 585, có số đo đoạn 1 là 32.38m + đoạn 2 là 15.07m + đoạn 3 là 19.34m + đoạn 4 là 42.68m + đoạn 5 là 10.78m + đoạn 6 là 20.81m. + đoạn 7 là 45.58m + đoạn 8 là 2.15m.

- Buộc bà Thạch Thị Đô R phải có trách nhiệm giao lại cho ông Lý Hồng S

phần đất có diện tích $7.496m^2$, loại đất lúa (LUC), thuộc 01 phần thửa 59, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Chấp nhận 01 phần yêu cầu phân tổ của bà Thạch Thị Kim N và bà Thạch Thị Đô R: Tuyên bố di chúc do ông Thạch N4 và bà Trần Thị Kim H7 lập ngày 07/6/2016 vô hiệu 01 phần, chia thừa kế theo pháp luật các thửa đất số 47, 48, 58, 59 và 619.

+ Bà Thạch Thị Kim N được quyền sử dụng phần đất có diện tích $4.997,75m^2$, loại đất lúa (LUC), thuộc 01 phần thửa số 48, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau:

Hướng đông giáp phần đất còn lại của thửa đất số 47+48, có số đo là 70.49m.

Hướng tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 48, có số đo 71.12m.

Hướng nam giáp phần còn lại của thửa đất số 47+48, có số đo đoạn 1 là 24.75m + đoạn 2 là 6.63m + đoạn 3 là 1.09m + đoạn 4 là 2.22m + đoạn 5 là 3.45m + đoạn 6 là 5.26m + đoạn 7 là 12.27m + đoạn 8 là 4.44m + đoạn 9 là 10.36m.

Hướng bắc giáp thửa đất số 49, có số đo đoạn 1 là 10.92m + đoạn 2 là 16.420m + đoạn 3 là 2.61m + đoạn 4 là 30.99m + đoạn 5 là 10.35m.

+ Bà Thạch Thị Đô R được quyền sử dụng phần đất có diện tích $1.388,1m^2$, bao gồm đất ONT + CLN, thuộc thửa số 619, tờ bản đồ số 04 (Nay là thửa đất số 4, tờ bản đồ số 13), tọa lạc ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau:

Hướng đông giáp thửa đất số 01 có số đo đoạn 1 là 4.52m + đoạn 2 là 4.61m + đoạn 3 là 27.54m.

Hướng tây giáp kênh thủy lợi, có số đo 40.28m.

Hướng nam giáp đường bê tông có số đo 38.19m.

Hướng bắc giáp thửa đất số 19 và 23, có số đo đoạn 1 là 10.64m + đoạn 2 là 24.88m.

+ Bà Thạch Thị Đô R được quyền sử dụng phần đất có diện tích $4.162,2m^2$, đất LUC, thuộc 01 phần thửa số 47+48, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau:

Hướng đông giáp phần đất còn lại của thửa đất số 47 (phần chia cho Bà H, có số đo đoạn 1 là 19.33m + đoạn 2 là 48.11m.

Hướng tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 48 (phần chia cho bà N), có số đo 70.49m.

Hướng nam giáp phần còn lại của thửa đất số 47 + 48 (phần chia cho ông C1), có số đo đoạn 1 là 10.13m + đoạn 2 là 6.81m + đoạn 3 là 4.21m + đoạn 4 là 19.53m + đoạn 5 là 17.96m + đoạn 6 là 1.79m.

Hướng bắc giáp thửa đất số 49, có số đo đoạn 1 là 7.36m + đoạn 2 là 10.93m + đoạn 3 là 13.86m + đoạn 4 là 6.51m + đoạn 5 là 10.27m + đoạn 6 là 5.79m + đoạn 7 là 6.19m.

- Buộc bà Thạch Thị Đô R có trách nhiệm hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất

cho:

+ Trả cho bà Thạch Thị Kim H: $444,2\text{m}^2 \times 80.000 \text{ đồng}/1\text{m}^2 = 35.536.000$ đồng (Ba mươi lăm triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Thạch Thị Kim H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 35.536.000 đồng (Ba mươi lăm triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng) thì hàng tháng bà Đô R còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Trả cho ông Thạch Ngọc H2: $109\text{m}^2 \times 80.000 \text{ đồng}/1\text{m}^2 = 8.720.000$ đồng (Tám triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Thạch Ngọc H2 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 8.720.000 đồng (Tám triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) thì hàng tháng bà Đô R còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Bà Thạch Thị Đô R được quyền quản lý căn nhà 3 gian (có kích thước theo đo đạc thực tế) gồm có: Nhà trước có chiều ngang 8,7m x chiều dài 15,1m, có kết cấu: Khung cột gỗ, mái lợp tole xi măng, đòn tay gỗ, vách tole kẽm + gỗ + xây gạch dày 10cm, nền đất; nhà sau có chiều ngang 8,95m x chiều dài 3,8m, có kết cấu: Khung cột gỗ tạp, mái lợp tole kẽm, đòn tay gỗ, vách tole kẽm, nền đất; 01 mái che có chiều ngang 3,4m x chiều dài 10,4m, có kết cấu: Khung cột gỗ tạp, mái lợp tole kẽm, đòn tay gỗ, vách tole kẽm, nền đất. Nhà xây dựng trên diện tích 1.338,1m² (đất ONT + CLN), tại thửa đất số 619, tờ bản đồ số 04 (Nay là thửa đất số 4, tờ bản đồ số 13), tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, đất được UBND huyện M cấp cho hộ bà Trần Thị Kim H7 ngày 14/5/1997, để thờ cúng cha mẹ.

3. Chấp nhận 01 phần yêu cầu độc lập của ông Ngô C1 và ông Thạch Ngọc H2: Tuyên bố di chúc do ông Thạch N4 và bà Trần Thị Kim H7 lập ngày 07/6/2016 vô hiệu 01 phần, chia thừa kế theo pháp luật các thửa đất số 47, 48, 58, 59 và 619.

+ Ông Ngô C1 được quyền sử dụng phần đất có diện tích 4.733.1m², đất LUC, thuộc 01 phần thửa số 47+48, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau:

Hướng đông giáp kênh thủy lợi, có số đo đoạn 1 là 10.28m + đoạn 2 là 37.15m.

Hướng tây giáp thửa đất số 115, có số đo đoạn 1 là 12.04m + đoạn 2 là 19.80m + đoạn 3 là 3.75m + đoạn 4 là 3.44m.

Hướng nam giáp phần còn lại của thửa đất số 47 + 48 (phần chia cho ông H2), có số đo đoạn 1 là 45.06m + đoạn 2 là 84.81m.

Hướng bắc giáp phần còn lại của thửa đất số 47 + 48 (phần chia cho Bà H, bà N và bà Đô R), có số đo đoạn 1 là 6.63m + đoạn 2 là 24.75m + đoạn 3 là 10.13m + đoạn 4 là 6.81m + đoạn 5 là 4.21m + đoạn 6 là 19.53m + đoạn 7 là 17.96m + đoạn

8 là 1.79m + đoạn 9 là 17.41m + đoạn 10 là 29.58m.

+ Ông Ngô C1 được quyền sử dụng phần đất có diện tích 317,1m², đất LUC, thuộc thửa số 58, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau:

Hướng đông giáp thửa đất số 59, có số đo 39.72m.

Hướng tây giáp kênh thủy lợi, có số đo 40.63m.

Hướng nam giáp thửa đất số 61, có số đo 8.73m.

Hướng bắc giáp thửa đất số 57, có số đo 7.32m.

- Buộc ông Ngô C1 có trách nhiệm hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Thạch Ngọc H2: 53m² x 80.000 đồng/1m² = 4.240.000 đồng (Bốn triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Thạch Ngọc H2 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 4.240.000 đồng (Bốn triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) thì hàng tháng ông C1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Ông Thạch Ngọc H2 được quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.676,8m², đất LUC, thuộc 01 phần thửa 59, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau:

Hướng đông giáp phần đất còn lại của thửa đất số 59 (phần chia cho ông Lý Hồng S), có số đo 38.98m.

Hướng tây giáp thửa đất số 58, có số đo 39.72m.

Hướng nam giáp thửa đất số 60 và thửa đất số 61, có số đo 43.71m.

Hướng bắc giáp thửa đất số 56, 57, có số đo đoạn 1 là 11.65m + đoạn 2 là 6.51m + đoạn 3 là 19.68m + đoạn 4 là 5.77m.

- Buộc bà Thạch Thị Đô R phải có trách nhiệm giao lại cho ông Thạch Ngọc H2 phần đất có diện tích 1.676,8m², đất LUC, thuộc 01 phần thửa 59, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

+ Ông Thạch Ngọc H2 được quyền sử dụng phần đất có diện tích 3.158.9m², đất LUC, thuộc 01 phần thửa số 47+48, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau:

Hướng đông giáp kênh thủy lợi, có số đo 32.24m.

Hướng tây giáp thửa đất số 115, có số đo đoạn 1 là 9.75m + đoạn 2 là 7.51m + đoạn 3 là 14.19m.

Hướng nam giáp phần còn lại của thửa đất số 47 + 48 (phần chia cho Bà H), có số đo đoạn 1 là 49.70m + đoạn 2 là 80.93m.

Hướng bắc giáp phần còn lại của thửa đất số 47 + 48 (phần chia cho ông C1), có số đo đoạn 1 là 45.06m + đoạn 2 là 84.81m.

Bà Thạch Thị Kim H, ông Lý Hồng S, bà Thạch Thị Kim N, bà Thạch Thị Đô R, ông Ngô C1, ông Thạch Ngọc H2 có quyền, nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với tài sản được chia nêu trên theo quy định của pháp luật.

4. Không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Kim H và ông Lý Hồng S về việc yêu cầu Công nhận di chúc của bà Trần Thị Kim H7 và ông Thạch N4 lập ngày 07/6/2016 và lập ngày 14/6/2016 có hiệu lực và buộc bà Thạch Thị Đô R phải giao lại cho ông Lý Hồng S căn nhà 3 gian (có kích thước theo đo đạc thực tế) gồm có: Nhà trước có chiều ngang 8,7m x chiều dài 15,1m, có kết cấu: Khung cột gỗ, mái lợp tole xi măng, đòn tay gỗ, vách tole kẽm + gỗ + xây gạch dày 10cm, nền đất; nhà sau có chiều ngang 8,95m x chiều dài 3,8m, có kết cấu: Khung cột gỗ tạp, mái lợp tole kẽm, đòn tay gỗ, vách tole kẽm, nền đất; 01 mái che có chiều ngang 3,4m x chiều dài 10,4m, có kết cấu: Khung cột gỗ tạp, mái lợp tole kẽm, đòn tay gỗ, vách tole kẽm, nền đất. Nhà xây dựng trên diện tích 1.338,1m² (đất ONT + CLN), tại thửa đất số 619, tờ bản đồ số 04 (Nay là thửa đất số 4, tờ bản đồ số 13), tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, đất được UBND huyện M cấp cho hộ bà Trần Thị Kim H7 ngày 14/5/1997.

5. Không chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của bà Thạch Thị Kim N và bà Thạch Thị Đô R về việc yêu cầu:

- Tuyên bố di chúc do ông Thạch N4 lập ngày 07/6/2016 tại Văn phòng công chứng M do Công chứng viên T thực hiện là vô hiệu.

- Tuyên bố di chúc do bà Trần Thị Kim H7 lập ngày 07/6/2016 tại Văn phòng công chứng M do Công chứng viên T thực hiện là vô hiệu.

- Tuyên bố di chúc do ông Thạch N4 và bà Trần Thị Kim H7 lập ngày 14/6/2016 là vô hiệu.

6. Không chấp nhận 01 phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô C1 và Thạch Ngọc H2 về việc yêu cầu:

- Tuyên bố di chúc do ông Thạch N4 lập ngày 07/6/2016 tại Văn phòng công chứng M do Công chứng viên T thực hiện là vô hiệu.

- Tuyên bố di chúc do bà Trần Thị Kim H7 lập ngày 07/6/2016 tại Văn phòng công chứng M do Công chứng viên T thực hiện là vô hiệu.

- Tuyên bố di chúc do ông Thạch N4 và bà Trần Thị Kim H7 lập ngày 14/6/2016 là vô hiệu.

7. Không chấp nhận yêu cầu phản tố (bổ sung) của bà Thạch Thị Kim N về việc: Yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho của ông Thạch N4 và bà Trần Thị Kim H7 vào năm 2002 cho bà Thạch Thị Kim N phần đất có diện tích 04 công tằm 03m (theo đo đạc thực tế là 5.664m²), thuộc 01 phần thửa số 48, thuộc tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

8. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện (bổ sung) của ông Lý Hồng S về việc yêu cầu

buộc bà Thạch Thị Đô R thực hiện theo di chúc ngày 14/6/2016 giao lại các tài sản vật dụng trong nhà gồm: Tủ quần áo bằng nhôm, tủ chén bằng nhôm, tủ để tivi bằng nhôm, tủ thờ bằng gỗ, ghế ngồi, nằm đọc báo bằng gỗ, giường ngủ bằng gỗ và bộ ngựa bằng gỗ (sử dụng để ngủ).

9. Đình chỉ 01 phần yêu cầu phản tố của đồng bị đơn Thạch Thị Kim N và Thạch Thị Đô R về việc yêu cầu buộc Văn phòng công chứng M, tỉnh Sóc Trăng phải bồi thường số tiền là 20 tháng lương tối thiểu 1.390.000 đồng x 20 tháng lương = 27.800.000 đồng (Hai mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

10. Đình chỉ 01 phần yêu cầu phản tố của đồng bị đơn Thạch Thị Kim N và Thạch Thị Đô R về việc yêu cầu bà Thạch Thị Kim H và ông Lý Hồng S có trách nhiệm giao cho bà N và bà Đô R số tiền 27.788.600 đồng (Hai mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm đồng).

11. Đình chỉ yêu cầu phản tố (bổ sung) của bà Thạch Thị Đô R về việc yêu cầu:

- Yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vào năm 1997 giữa ông Thạch N4, bà Trần Thị Kim H7 với bà Thạch Thị Đô R là phần đất có diện tích 03 công tằm 03m, thuộc thửa số 58, thuộc tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào năm 1998 giữa ông Thạch N4, bà Trần Thị Kim H7 với bà Thạch Thị Đô R là phần đất có diện tích 04 công tằm 03m, thuộc thửa số 59, thuộc tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

12. Đình chỉ 01 phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô C1 và Thạch Ngọc H2 về việc buộc Văn phòng công chứng M, tỉnh Sóc Trăng phải bồi thường số tiền là 20 tháng lương tối thiểu 1.390.000 đồng x 20 tháng lương = 27.800.000 đồng (Hai mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

13. Đình chỉ 01 phần yêu cầu độc lập của đồng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô C1 và Thạch Ngọc H2 về việc yêu cầu bà Thạch Thị Kim H và ông Lý Hồng S có trách nhiệm giao cho ông C1 và ông H2 số tiền 27.788.600 đồng (Hai mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 14/8/2024, bị đơn Thạch Thị Kim N kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy bỏ di chúc và tuyên bố di chúc do ông Thạch N4 và bà Trần Thị Kim H7 lập là vô hiệu toàn phần.

- Ngày 14/8/2024, bị đơn Thạch Thị Đô R kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy bỏ di chúc và tuyên bố di chúc do ông Thạch N4 và bà Trần Thị Kim H7 lập là vô hiệu toàn phần.

- Ngày 19/8/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô C1 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy bỏ di chúc và tuyên bố di chúc do ông Thạch N4 và bà Trần Thị Kim H7 lập là vô hiệu toàn phần.

- Ngày 19/8/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thạch Ngọc H2 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy bỏ di chúc và tuyên bố di chúc do ông Thạch N4 và bà Trần Thị Kim H7 lập là vô hiệu toàn phần.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn H và Siêu không rút lại đơn khởi kiện, các bị đơn N, R và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan C1 và H2 không rút lại đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên, phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

+ *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự có mặt đã tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đã được Tòa án triệu tập để tham dự phiên tòa phúc thẩm, nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do là chưa chấp hành nghiêm theo sự triệu tập của Tòa án.

+ *Về nội dung kháng cáo*: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nương và Ra cũng như người liên quan Chiến và Hà, vì các người kháng cáo không chứng minh được kháng cáo của mình là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

- Nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo các bị đơn N, R và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan C1 và H2 là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, các kháng cáo là hợp lệ, được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận và tiến hành giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Văn phòng công chứng M, tỉnh Sóc Trăng và Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M, tỉnh Sóc Trăng có đơn yêu cầu vắng mặt, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Cao S1, Cao Thị Mỹ N2, Kim Thị M, Ngô Quốc T, Ngô Ngọc Huệ M1, Dương Văn T2, Ông Dương Văn V, Dương Văn D, Dương Thị Trúc A, Lý S2, Lý Hồng S3, Trà Thị O, Tiết Thị K, Thạch Thị Ngọc K2 và Thạch Ngọc H5 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ

hai để tham dự phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn R và bị đơn N đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người liên quan Chiến và Hà, không yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm định giá lại và đồng ý theo án sơ thẩm là 80.000 đồng/m². Vì vậy, hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không thực hiện việc định giá lại và xác định: Giá đất tranh chấp là 80.000 đồng/m².

[2] Về nội dung kháng cáo:

+ Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Thạch Thị Đô R, bị đơn Thạch Thị Kim N đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô C1 và Thạch Ngọc H2, kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy bỏ di chúc và tuyên bố di chúc do ông Thạch N4 và bà Trần Thị Kim H7 lập là vô hiệu toàn phần.

Luật sư của bị đơn N và R đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận Toàn bộ kháng cáo của bị đơn N và R, tuyên bố: Hủy bỏ di chúc và tuyên bố di chúc do ông Thạch N4 và bà Trần Thị Kim H7 lập là vô hiệu toàn phần, vì các căn cứ sau:

- 05 thửa đất tranh chấp được cấp cho hộ bà Trần Thị Kim H7, khi còn sống ông N4 và bà H7 đã chia đất cho các con sử dụng ổn định hơn 20 năm. Vì vậy, khi ông N4 và bà H7 muốn lập di chúc thì phải cùng các thành viên trong hộ gia đình thỏa thuận phân chia đất thuộc sở hữu chung, sau đó mới đủ điều kiện để lập di chúc thì di chúc đó mới hợp pháp.

- Khi giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, các bị đơn có nộp hồ sơ bệnh án của ông N4 và bà H7, thể hiện họ không có đủ năng lực hành vi dân sự khi lập di chúc, nên không đủ điều kiện để lập di chúc nhưng hiện nay trong hồ sơ vụ án không còn hồ sơ bệnh án nêu trên.

- Địa phương có xác nhận: Ông Lý Hồng S là cháu ngoại nhưng không chăm sóc ông bà ngoại lúc tuổi già, người chăm sóc ông N4 và bà H7 lúc tuổi già là bị đơn Ra và Nương. Vì vậy, ông Siêu không đủ điều kiện để nhận thừa kế di sản của ông bà ngoại để lại.

- Nội dung “Biên bản xác minh ngày 26/6/2018” của UBND xã V thể hiện: Thửa đất số 47 và 48 bà R, ông C1, ông H2 và Bà H mỗi người đang canh tác phần riêng biệt và không tranh chấp.

- Ngày 12/8/2022 khi xét xử lần đầu ở Tòa án nhân dân huyện T, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, đề nghị hủy toàn bộ di chúc của ông N4 và bà H7, nhưng đến khi xét xử lần 2 năm 2024 thì lại đề nghị công nhận một phần di chúc. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét lại vấn đề này.

- Khi ông N4 và bà H7 lập di chúc được công chứng ngày 07/5/2016 thì giấy tờ nhà đất đã thế chấp để vay tiền của Ngân hàng, nên ông N4 và bà H7 không đủ điều kiện để lập di chúc.

- Khi lập di chúc, ông N4 và bà H7 không chỉ ranh rõ ràng, trên thửa đất số 619 có nhà của bà R nhưng di chúc để cho ông Siêu được hưởng thừa kế là không thể thực hiện được.

Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận các phần đất trước đây ông N4 và bà H7 đã chia cho các con thì các con cứ sử dụng, không chia thừa kế. Đối với phần đất ruộng khoảng 9 công, ông N4 và bà H7 trực tiếp canh tác trước khi chết, thì chia đều cho các con.

+ Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Nương và Siêu cũng như Luật sư của nguyên đơn Nương và Siêu không đồng ý theo nội dung kháng cáo của bị đơn N, bị đơn R, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan C1 và H2, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] *Xét tính hợp pháp của “Di chúc” của cụ Thạch N4 và cụ Trần Thị Kim H7 xác lập ngày 14/6/2016, thì thấy rằng:*

- “Di chúc” của cụ Thạch N4 và cụ Trần Thị Kim H7 xác lập ngày 14/6/2016 có nội dung: Để lại cho cháu ngoại là nguyên đơn Lý Hồng S được hưởng thừa kế căn nhà trên thửa đất số 619. Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn S và giao căn nhà trên thửa đất số 619 cho bị đơn Ra. Nguyên đơn S không kháng cáo bản án sơ thẩm nên “Di chúc” của cụ N4 và cụ H7 xác lập ngày 14/6/2016 không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N, bà R, ông C1 và ông H2. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp kháng cáo của bà N, bà R, ông C1 và ông H2 về việc: Tuyên bố “Di chúc” của ông Thạch N4 và bà Trần Thị Kim H7 xác lập ngày 14/6/2016 vô hiệu toàn phần.

[4] *Xét tính hợp pháp của “Di chúc” của cụ Thạch N4 và cụ Trần Thị Kim H7 xác lập tại Văn phòng công chứng M lập cùng ngày 07/5/2016, thì thấy rằng:*

- Hồ sơ lập “Di chúc” của cụ N4 và cụ H7, có kèm theo: “Giấy khám sức khỏe” ngày 05/5/2016 của Bệnh Viện quân y tỉnh Sóc Trăng xác nhận: Cụ Thạch N4 đủ sức khỏe làm di chúc. “Giấy khám sức khỏe” ngày 19/5/2016 của Bệnh Viện quân y tỉnh Sóc Trăng xác nhận: Cụ Trần Thị Kim H7 đủ sức khỏe làm di chúc. Vì vậy, cụ N4 và cụ H7 có đủ năng lực hành vi dân sự để lập di chúc theo ý chí của mình.

- Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh huyện M, tỉnh Sóc Trăng cung cấp công văn số 251/NHo MX, ngày 28/8/2018 cho Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng, có nội dung:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số: 7605LAV201701632 ngày 02/10/2017 giữa Ngân hàng N Việt Nam chi nhánh huyện M và bà Thạch Thị Kim N thường trú tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày vay 02/10/2017, hạn trả 25/09/2020.

Số tiền vay: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Mục đích vay: Hoạt động dịch vụ trồng lúa.

Lãi tạm tính đến ngày 31/08/2018 là: 4.037.500 đồng (Bốn triệu không trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Các tài sản hiện đang thế chấp tại ngân hàng bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 333377 (Số 00392), diện tích 8.040m² bao gồm số thửa 60,61 tờ bản đồ 05 do UBND huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 14/05/1997.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 333383 (Số 00395), diện tích 39.630 m² bao gồm số thửa 619,47,48,59,58 tờ bản đồ 04, 05 do UBND huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 14/05/1997.

Ngân hàng xác nhận: Người vay là bà Thạch Thị Kim N không phải bà H7 hay ông N4. Vì vậy, bà H7 và ông N4 có quyền lập di chúc đối với tài sản của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 628 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về: “Di chúc bằng văn bản” như sau:

Di chúc bằng văn bản bao gồm:

- 1. Di chúc bằng văn bản không có người làm chứng.*
- 2. Di chúc bằng văn bản có người làm chứng.*
- 3. Di chúc bằng văn bản có công chứng.*
- 4. Di chúc bằng văn bản có chứng thực.*

Điều 635 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về: “Di chúc có công chứng hoặc chứng thực” như sau:

“Người lập di chúc có thể yêu cầu công chứng hoặc chứng thực bản di chúc”.

Điều 636 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về: “Thủ tục lập di chúc tại tổ chức hành nghề công chứng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã” như sau:

“Việc lập di chúc tại tổ chức hành nghề công chứng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã phải tuân theo thủ tục sau đây:

1. Người lập di chúc tuyên bố nội dung của di chúc trước công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã phải ghi chép lại nội dung mà người lập di chúc đã tuyên bố. Người lập di chúc ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc sau khi xác nhận bản di chúc đã được ghi chép chính xác và thể hiện đúng ý chí của mình. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã ký vào bản di chúc.

2. Trường hợp người lập di chúc không đọc được hoặc không nghe được bản di chúc, không ký hoặc không điểm chỉ được thì phải nhờ người làm chứng và người này phải ký xác nhận trước mặt công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã chứng nhận bản di chúc trước mặt người lập di chúc và người làm chứng”.

“Di chúc” của cụ N4 và cụ H7 xác lập tại Văn phòng công chứng M cùng ngày 07/5/2016 đã có đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 628, Điều 635 và Điều

636 của Bộ luật dân sự năm 2015 như đã được viện dẫn nêu trên. Vì vậy, cấp phúc thẩm không chấp kháng cáo của bà N, bà R, ông C1 và ông H2, về việc: Tuyên bố “Di chúc” của ông Thạch N4 và bà Trần Thị Kim H7 xác lập và được công chứng ngày 07/5/2016 vô hiệu toàn phần.

Bà N, bà R, ông C1, ông H2 và Luật sư của bà N và bà R, không chứng minh được kháng cáo của mình là có căn cứ pháp luật, trong khi Bà H và ông Siêu không đồng ý theo nội dung kháng cáo của bà N, bà R, ông C1 và ông H2. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của N, bà R, ông C1 và ông H2.

Đề nghị của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về việc: Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà N, bà R, ông C1 và ông H2, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ đã được viện dẫn nêu trên, nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[5] *Án phí dân sự phúc thẩm*: Do kháng cáo của bà N, bà R, ông C1 và ông H2 không được chấp nhận. Vì vậy, bà N, bà R, ông C1 và ông H2 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Thạch Thị Kim N, bà Thạch Thị Đô R, ông Thạch Ngọc H2 và ông Ngô C1.

I- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 53/2024/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

II- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Bà Thạch Thị Kim N, bà Thạch Thị Đô R, ông Thạch Ngọc H2 và ông Ngô C1, mỗi người phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà N, bà R, ông H2 và ông C1 mỗi người đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004350, ngày 14/8/2024 của bà N; biên lai số số 0007051 ngày 14/8/2024 của bà R, biên lai số 0007052, ngày 21/8/2024 của ông C1 và biên lai số 0007054, ngày 22/8/2024 của ông H2, các biên lai thu tiền của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Bà N, bà R, ông C1 và ông H2 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung)./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nam Trung